

SEAMECO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC



01 THÔNG TIN CHUNG

- 02 Thông tin khái quát
- 03 Quá trình hình thành phát triển
- 05 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 06 Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- 07 Công ty con, Công ty liên kết
- 08 Định hướng phát triển
- 10 Các rủi ro

11 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 12 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 14 Tình hình đầu tư
- 14 Tình hình tài chính

16 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 17 Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2013
- 18 Tình hình tài sản
- 20 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức
- 20 Kế hoạch phát triển trong năm 2014
- 21 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc

22 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 23 Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- 24 Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 25 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

26 TỔ CHỨC NHÂN SỰ

- 27 Hội đồng quản trị
- 28 Ban Kiểm soát
- 28 Ban Tổng Giám đốc
- 30 Thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
- 30 Tình hình nhân sự

32 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 33 Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 34 Hoạt động HĐQT
- 36 Hoạt động Ban Kiểm soát
- 38 Các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc
- 39 Thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty

40 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

- 77 Xác nhận của người đại diện pháp luật của Công ty





THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
Tên viết tắt:	SEAMECO
Tên Tiếng Anh:	Seaproducts Mechanical Shareholding Company
Giấy chứng nhận ĐKKD số:	0302166033 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp, thay đổi lần 04 ngày 04 tháng 07 năm 2012.
Vốn điều lệ:	42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)
Logo:	
Địa chỉ:	211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Q1, TP.HCM
Số điện thoại:	(84-08) 3 8 729 751
Số fax:	(84-08) 3 8 729 749
Website:	www.seameco.com.vn
Email:	seameco@seameco.com.vn
Mã cổ phiếu:	SCO



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1984: Thành lập Chi nhánh cơ khí Thủy sản III.

1990: Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.

1993: Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Công ty Cơ khí Thủy sản III

2001: Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.

1997: Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.

2000: Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.

1987: Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.

1992: Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 - TP.HCM

2002: Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản.

2010: Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.

2005: Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2000.

2007: Công ty chuyển thành Công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.

2008: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.

2003: Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại VN.

2006: Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.

2009: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.

2011: Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1 thành phố Hồ Chí Minh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản, đóng mới, sửa chữa, thiết kế tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite.
- Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm.
- Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, thủy sản, hàng may mặc;
- Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí.
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể thao, hàng nông sản;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa và cho thuê kho bãi.
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi.
- Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Lắp ráp, sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất, bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

Các sản phẩm chính

- Sà lan, tàu tuần tra, tàu đánh bắt xa bờ, xuồng máy, tàu hút bùn...
- Máy phát điện, máy đa năng, sản phẩm composite...
- Cung cấp các dịch vụ kho bãi, cầu cảng, lên xuống tàu, sà lan...



ĐỊA BÀN KINH DOANH

- *Trụ sở chính*

Địa chỉ: 211 Nguyễn Thái Học,
P. Phạm Ngũ Lão, Q1, TP.HCM
Tel: 08.38386923 - 08.38386461
Fax: 08.38386465

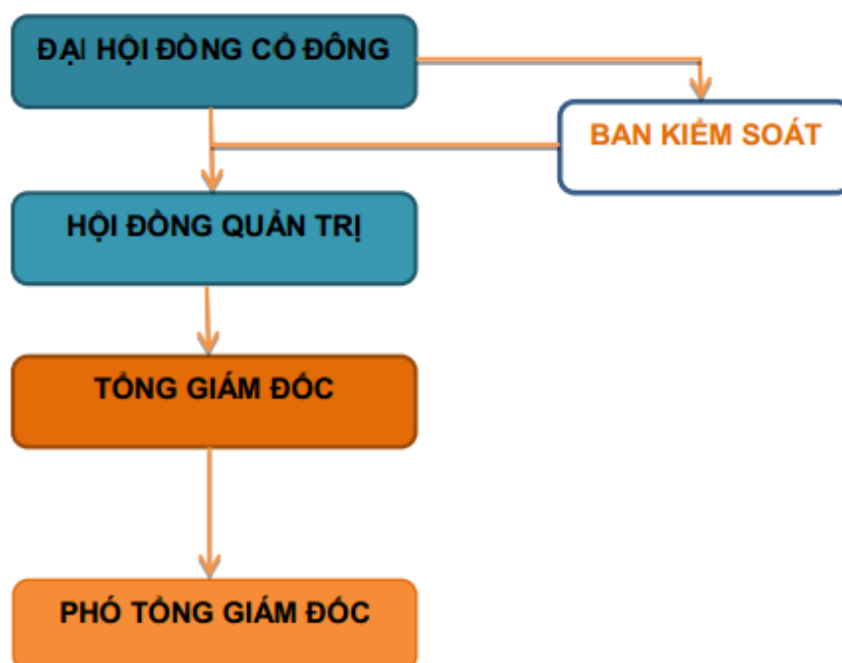
- *Khu vực sản xuất*

Địa chỉ: 244 (số cũ 10F) Bùi Văn
Ba, Q7, TP.Hồ Chí Minh.
Tel: 08.38729512 – 38729751
Fax: 08.38729749

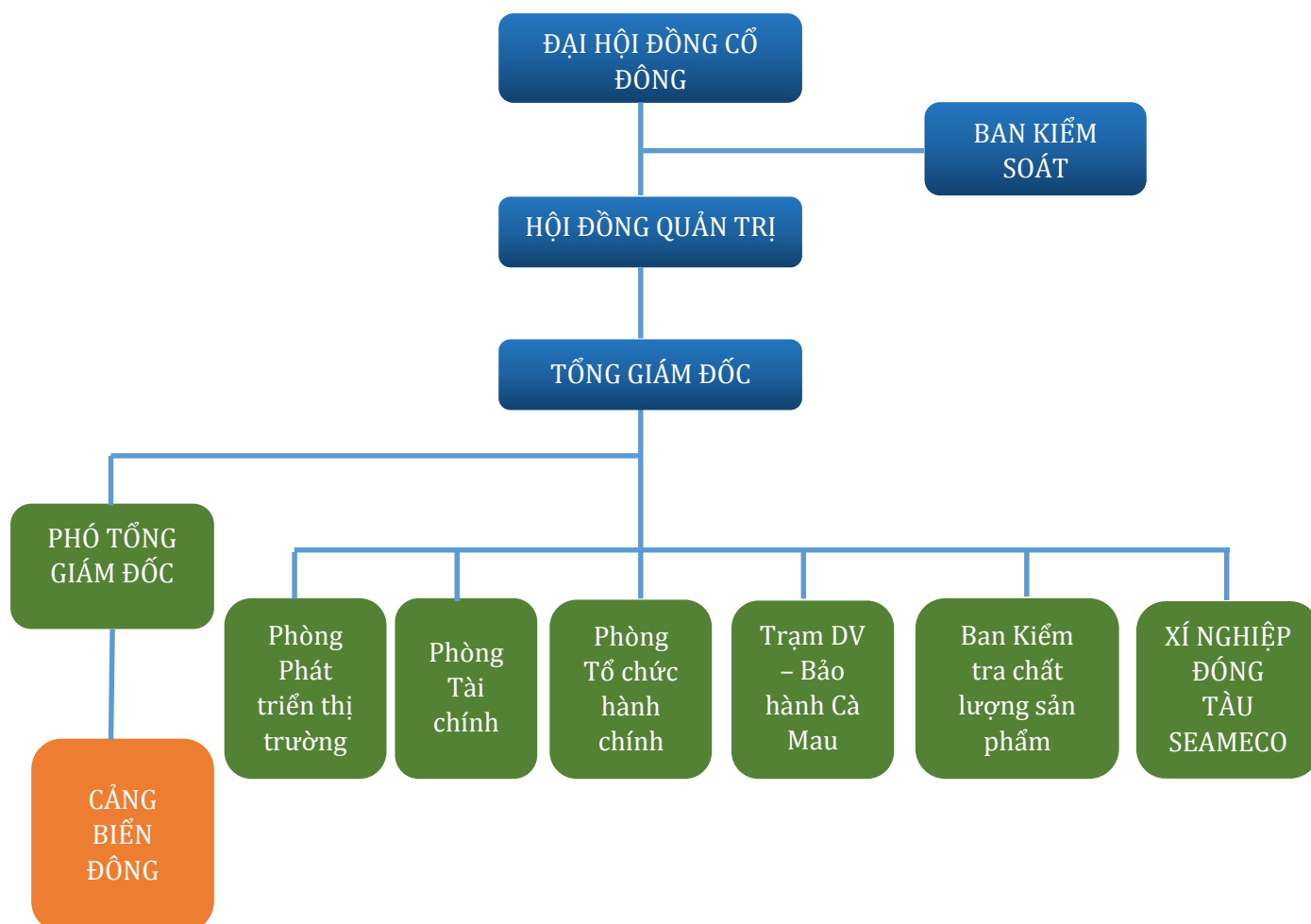


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc, 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Ban Giám đốc Công ty: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Các đơn vị thành viên

- Xí nghiệp đóng tàu Seameco: đóng mới, sửa chữa các loại canô, tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.
- Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.
- Trạm Dịch vụ bảo hành Cà Mau.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Cơ cấu, sắp xếp, tinh giảm nhân sự, đóng cửa Trạm Dịch Vụ Bảo Hành Cà Mau.
- Tiết kiệm tối đa chi phí văn phòng, chi phí sản xuất.
- Bán, thanh lý các tài sản không cần thiết.
- Thoái vốn đầu tư vào các đơn vị khác.
- Đầu tư nâng cấp, nâng tải Cầu Trắng tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển hàng hóa vào Cảng Biển Đông trực thuộc Công ty.
- Nạo vét Cầu Cảng nâng cao tải trọng tàu cập hàng vào Cảng.
- Đầu tư đóng các tàu chuyên dùng có giá trị gia tăng lớn.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Sản xuất kinh doanh phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường, tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn lao động.
- Đảm bảo việc làm cho cán bộ CNV, trả lương đúng thời hạn và giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động.

Tâm nhìn

Đến năm 2020, SEAMECO sẽ trở thành một trong năm doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong mỗi thị trường sản phẩm và dịch vụ mà Công ty tham gia.

Sứ mệnh

Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.

Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.

Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.

Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.

Chiến lược

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm tạo lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và Xã hội.

CÁC RỦI RO



Rủi ro lãi suất

Để đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty hiện đang duy trì tỷ trọng nợ cao so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thủy. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nên các lỗi xảy ra đối với các sản phẩm dịch vụ của Seameco là rất hạn chế.

Rủi ro tín dụng

Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ CTCP Aquafeed Cửu Long, Công ty TNHH Vượt Sóng, CTCP Biển Tây... Nếu các đối tác gặp khó khăn về tài chính hoặc mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty sẽ gặp rủi ro tổn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu tất cả các khoản công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

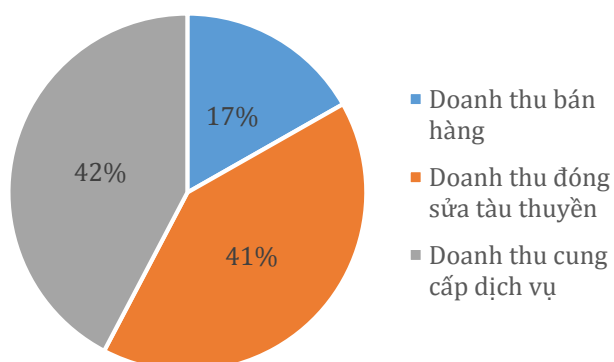


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

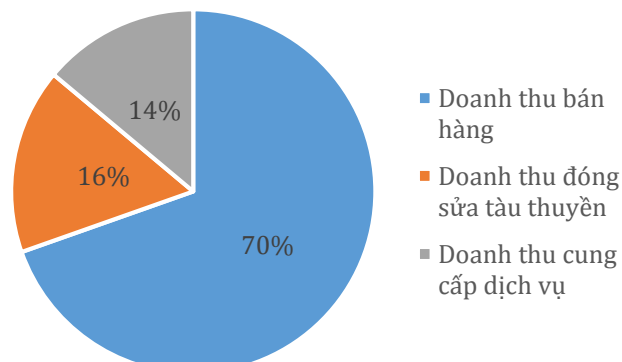
ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012 (1)	Kế hoạch 2013 (2)	Thực hiện 2013 (3)	% Tỷ lệ TH/KH 2013	So với năm 2012
Tổng doanh thu	85.792	30.000	26.528	88,43%	- 69,08%
<i>Doanh thu bán hàng</i>	59.709	3.000	4.450	148,35%	- 92,55%
<i>Doanh thu đóng sửa tàu thuyền</i>	14.145	14.100	10.851	76,96%	- 23,28%
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.933	8.600	11.216	130,41%	- 6,01%
<i>Doanh thu khác</i>	4,9	4.300	10,2	0,24%	108,62%
Doanh thu thuần	85.792	30.000	26.525	88,42%	- 69,08%
Chi phí vật tư, giá vốn	77.372	15.351	19.078	124,28%	- 75,34%
<i>Chi phí bán hàng</i>	3.932	560	3.599	642,68%	- 8,48%
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	115.607	1.142	(1.324)	- 115,94%	- 101,15%
Lãi trước thuế	(135.544)	3.000	(6.904)	- 230,14%	94,91%

Cơ cấu Doanh thu năm 2013



Cơ cấu Doanh thu năm 2012



Kết thúc năm 2013 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách. Tổng doanh thu của Công ty tiếp tục suy giảm mạnh 69,1% so với năm trước. Tuy vậy tình hình trong năm có cải thiện hơn so với năm ngoái, rõ nét nhất là khoản lợi nhuận trước thuế cải thiện đáng kể, cụ thể đạt mức tăng 94,9% so với năm 2012, nguyên nhân:

1. Nhờ vào việc hoàn nhập một phần từ khoản trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi chủ yếu từ CTCP Aquafeed Cửu Long năm 2012, với mức ước đạt là 3,83 tỷ đồng.
2. Chi phí giá vốn bán hàng năm nay được kiểm soát chặt chẽ, giảm đến 75,3% so với năm trước.
3. Các khoản chi phí chính nhìn chung đều giảm. Chi phí bán hàng tuy vượt mức kế hoạch đề ra nhưng giảm nhẹ 8% so với năm 2012; khoản chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh đạt mức âm 1,3 tỷ đồng nhờ vào khoản hoàn nhập dự phòng như đã nêu.

Tuy vậy, kết quả lợi nhuận trước thuế cũng như sau thuế vẫn ở mức âm 6,9 tỷ đồng. Như mọi năm, hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty vẫn tập trung vào các mảng chính là doanh thu từ mảng dịch vụ cầu cảng và đóng sửa tàu thuyền. Cụ thể, với xu hướng đem lại mức lợi nhuận gộp cao nhất vào năm 2012, năm nay mảng dịch vụ cầu cảng đã đóng góp vào nguồn doanh thu cao nhất đạt mức 11,2 tỷ đồng. Mảng đóng tàu sửa thuyền tạo ra doanh thu cao thứ hai (10,9 tỷ đồng). Riêng hoạt động bán hàng đã đem về nguồn doanh thu cao nhất vào năm trước nhưng đến năm nay lại có sự sụt giảm đáng kể chỉ đạt 4,45 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Trong vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác theo mệnh giá của Công ty là: 12.801.883.000 đồng. ngoài Công ty Cổ phần công trình giao thông 61, năm 2012 chia cổ tức 12% (31.999.200đ), năm 2013 chưa có báo cáo tài chính. Các Công ty còn lại đều không chia cổ tức. Với thực trạng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, khả năng mất vốn tại các CTCP Aquafeed Cửu Long, CTCP Biển Tây, CTCP thiết bị máy động lực rất cao. Tổng số vốn đầu tư vào 3 công ty này là: 12.483.840.000 đồng (chiếm 97,5%).



ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	%TH 2013/2012
Tổng tài sản	47.221	43.649	-7,56%
Doanh thu thuần	85.792	26.525	-69,08%
Lợi nhuận từ HĐKD	(135.569)	(8.555)	-93,69%
Lợi nhuận khác	25,22	1.651	6.444,72%
Lợi nhuận trước thuế	(135.544)	(6.904)	94,91%
Lợi nhuận sau thuế	(135.544)	(6.904)	94,91%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(33.347)	(1.699)	94,91%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,12	0,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,07	0,11
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	314,02%	283,21%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-146,73%	-154,58%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,92	10,17
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	0,58	0,72
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-26,03%	-157,99%
ROE	%	7,67%	723,76%
ROA	%	-15,20%	-113,86%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-32,25%	-158,02%

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2013 chuyển biến theo chiều hướng xấu hơn do chịu ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các năm trước làm Công ty mất khả năng trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng, không đảm bảo khả năng thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	DVT: triệu đồng
			TH 2013/2012 %
Doanh thu thuần	85.792	26.525	- 69,08%
Lợi nhuận từ HĐKD	(135.569)	(8.555)	93,69%
Lợi nhuận khác	25,22	1.651	6.444,72%
Lợi nhuận trước thuế	(135.544)	(6.904)	94,91%
Lợi nhuận sau thuế	(135.544)	(6.904)	94,91%

Trong năm 2013, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu do ĐHCĐ giao, cụ thể: Doanh thu chỉ đạt 94,5% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận âm 6,9 tỷ đồng so với kế hoạch, lãi là 3 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2012 có ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 được lập trên cơ sở sẽ cố gắng thực hiện khoản được lãi tại 2 Ngân hàng, là Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Ngân hàng Công thương Chi nhánh 1. Vì vậy, nếu loại trừ khoản lãi vay Ngân hàng 13,6 tỷ đồng thì Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 6,7 tỷ đồng; so với kế hoạch tăng 3,7 tỷ đồng.

Về doanh thu, mức giảm này khá cao chủ yếu tập trung chính ở khu vực kinh doanh thương mại như hoạt động mua bán nguyên liệu thức ăn thủy sản, vật liệu xây dựng - một lĩnh vực mà Công ty đã cơ cấu lại theo hướng giảm quy mô từ những năm trước nhằm củng cố hoạt động, phòng ngừa các rủi ro tiếp tục xảy ra. Khó khăn tiếp nối khó khăn, những lĩnh vực khác trong cơ cấu doanh thu nhìn chung đều giảm chỉ tiêu so với 2012. Về mảng cơ khí đóng sửa tàu, tổng giá trị sản phẩm cơ khí đóng sửa tàu chỉ bằng 78% năm trước khiến cho mức doanh thu sản xuất đóng sửa tàu này giảm 23%. Tương tự, khối lượng hàng hóa qua cảng giảm 44% so với năm trước, duy chỉ riêng khối lượng hàng hóa kho lưu bãi tăng 68% nhờ khai thác tốt dịch vụ cho thuê kho nên doanh thu chỉ giảm nhẹ so với năm 2012 (6%).

Khác với kết quả kinh doanh năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm nay đã có nhiều cải thiện nhất định dù kết quả vẫn tiếp tục âm; trong đó thu nhập trước cũng như sau thuế tăng 94,9% so với 2012. Việc tăng chỉ tiêu này do trong năm Công ty nhận chuyển nhượng tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của Công ty Aquafeed Cửu Long để bù trừ một phần khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi số tiền 4.045.500.000 VND. Hiện nay Công ty đang gấp rút đề ra phương án tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh cho những năm tới.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	%2013/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.896	15.543	-21,88%
Tiền & các khoản tương đương tiền	1.193	1.425	19,45%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.948	7.689	-35,65%
Hàng tồn kho	6.689	6.379	-4,63%
Tài sản ngắn hạn khác	66,51	49,82	-25,09%
TÀI SẢN DÀI HẠN	27.324	28.106	2,86%
Các khoản phải thu dài hạn	9	9	0,00%
Tài sản cố định	21.183	22.493	6,18%
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.939	4.889	-1,01%
Tài sản dài hạn khác	1.193	715	-40,08%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	47.221	43.649	-7,56%

Tổng tài sản của Công ty đã giảm nhẹ trong giai đoạn năm 2012-2013, từ 47,2 tỷ đồng xuống 43,6 tỷ đồng do sự suy giảm chủ yếu từ tài sản ngắn hạn.

Tài sản ngắn hạn giảm mạnh từ 19,9 tỷ đồng cuối năm 2012 xuống 15,5 tỷ đồng cuối năm 2013, chủ yếu do sự suy giảm mạnh của các khoản phải thu khách hàng từ 11,9 tỷ đồng xuống 7,7 tỷ đồng cuối năm 2012. Trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ và đúng với quy định pháp luật đối với các khoản phải thu khó đòi: 119 tỷ đồng. Đây là phát sinh chủ yếu từ khoản phải thu khó có khả năng thu hồi của khách hàng từ những năm trước và vốn mà Công ty đã đầu tư vào các Công ty như CTCP Aquafeed Cửu Long, CTCP Biển Tây, Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Biển Đông...

Bên cạnh đó, tài sản dài hạn có sự điều chỉnh tăng nhẹ 2,9% từ 27,3 tỷ cuối năm 2012 lên 28,1 tỷ đồng cuối năm 2013 nhờ vào khoản tài sản cố định vô hình tăng đột biến như nguyên nhân đã đề cập ở trên.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% TH2013/2012
NỢ PHẢI TRẢ	133.732	137.064	2,49%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	122.399	125.767	2,75%
Vay và nợ ngắn hạn	87.269	85.702	-1,81%
Phải trả cho người bán	6.525	4.267	-34,60%
Người mua trả tiền trước	2.992	570	-80,95%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.514	295	-88,27%
Chi phí phải trả	9.086	30	-99,67%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.435	34.419	156,19%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	580	483	-16,72%
<i>Nợ dài hạn</i>	11.333	11.297	-0,32%
Phải trả dài hạn khác	36	-	-
Vay và nợ dài hạn	11.297	11.297	0,00%
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	(86.511)	(93.415)	7,98%
TỔNG NGUỒN VỐN	47.221	43.649	-7,56%

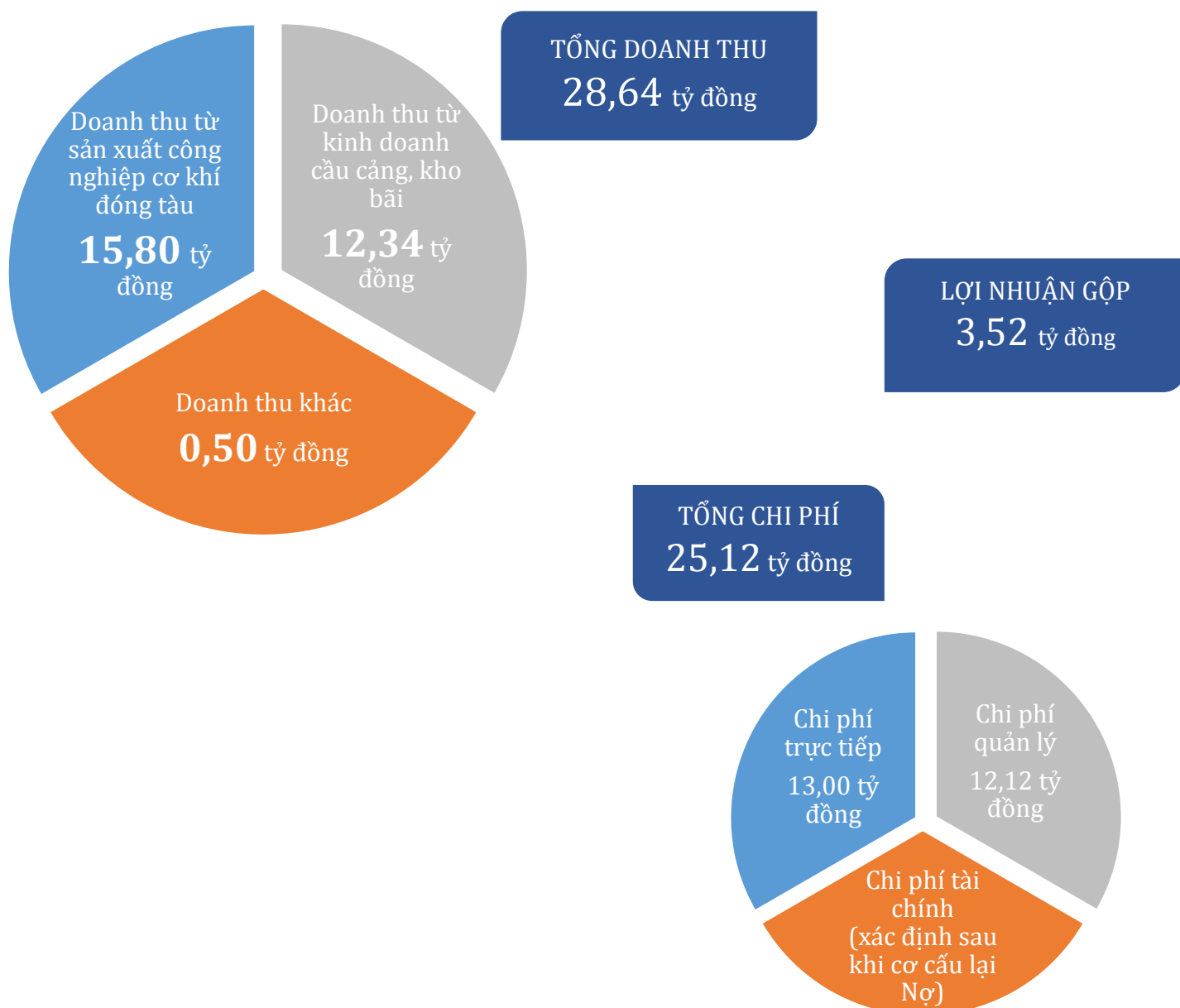
Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 138,8 tỷ đồng. Với nguồn vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 42 tỷ đồng thì khoản lỗ trên đã âm vượt quá vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 93,4 tỷ đồng.

Cũng tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của Công ty ước đạt 125,8 tỷ đồng, đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoảng là 110,2 tỷ đồng và tổng nợ phải trả của Công ty đạt 137,1 tỷ đồng, đã vượt quá tổng tài sản khoảng là 93,4 tỷ đồng. Các thành phần trong nợ ngắn hạn đều giảm, riêng Các khoản phải trả, phải nộp khác tăng hơn 156%. Chính khoản lãi vay phát sinh trong năm từ việc vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh TP. HCM hơn 60 tỷ đồng và Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh I hơn 25 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty là nguyên nhân làm tăng khoản vừa nêu trên.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2014, Công ty sẽ tiến hành giải thể Phòng Phát Triển Thị Trường, đề xuất kế hoạch đóng cửa trạm Dịch vụ Bảo hành Cà Mau, đồng thời thành lập mới phòng Kế hoạch Kỹ thuật.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính nguyên nhân chính là do hoạt động kinh doanh mua bán nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản với CTCP Aquafeed Cửu Long và CTCP Biển Tây, nhưng không thu hồi được công nợ nên Công ty phải trích lập dự phòng tài chính; kèm theo đó là chi phí lãi vay ngân hàng phát sinh từ các hoạt động này.

Hiện này Công ty đang tiến hành tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh như: tổ chức sắp xếp nhân sự, thanh lý tài sản, chuyển nhượng đất đai bất động sản, thoái vốn đầu tư... để Công ty có thể tồn tại trong giai đoạn khó khăn này.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tương tự năm 2012, năm 2013 vừa qua vẫn tiếp tục là năm đầy thử thách đối với cả doanh nghiệp. Nguyên nhân xuất phát từ khó khăn chung của cả nền kinh tế vĩ mô nước ta nói riêng và cả thế giới nói chung. Bên cạnh đó, tình hình nội bộ Công ty vẫn còn nhiều khó khăn trong việc xử lý công nợ khó đòi phát sinh từ những năm trước kéo dài đến nay. Cụ thể, khoản vốn đầu tư của Công ty vào doanh nghiệp khác theo mệnh giá là: 12,8 tỷ đồng. Với thực trạng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, khả năng mất vốn tại CTCP Aquafeed Cửu Long, CTCP Biển Tây, CTCP thiết bị máy động lực rất cao, ước tính tổng số vốn đầu tư vào 3 công ty này là 12,5 tỷ đồng (chiếm 97,5% trong tổng khoản đầu tư dài hạn của SCO).

Với nhiều khó khăn tài chính như vậy, trong thời gian vừa qua, Công ty đã hạn chế hoạt động trong lĩnh vực thương mại, và tập trung vào hai lĩnh vực chính là sản xuất đóng sửa tàu thuyền và dịch vụ cầu cảng - kho bãi:

- **Về cơ khí đóng sửa tàu:** ngoài mức giảm mạnh so với cùng kỳ, doanh số đóng sửa tàu đạt được ở mức thấp so với năng lực kỹ thuật của Công ty, chỉ tương đương với doanh số đóng sửa tàu mà Công ty đã đạt được từ 10 năm trước. Ngoài những nguyên nhân chủ quan còn có nguyên nhân khách quan đã tác động lớn đến doanh số như ngành cơ khí đóng sửa tàu gặp khủng hoảng, triền đả để lên tàu bồi lắng rất lớn, độ sâu triền giảm lớn hạn chế môn nước lên tàu sửa chữa cũng như đóng mới. Vì tình hình tài chính khó khăn nên các hợp đồng đóng mới, sửa chữa Công ty đảm nhận phần nhân công là chính. Trong năm vừa qua, Công ty đóng mới được 2 tàu, sửa chữa được 25 tàu, nhưng đều là sản phẩm có giá trị nhỏ. Cơ cấu doanh thu cơ khí đóng sửa tàu như sau: Đóng mới, sửa chữa: 36,4%; gia công cơ khí: 40,74%; sản phẩm composite: 18,8% và triền tàu, bến bãi: 4,06%.
- **Về dịch vụ cầu cảng, kho bãi:** Trong điều kiện bến đậu tàu bị bồi lắng và cầu Trắng chưa được nâng tải, đã hạn chế lượng tàu và hàng về cảng nên sản lượng và giá trị dịch vụ cảng đều giảm. Cụ thể sản lượng giảm 42,26% và giá trị giảm 45,88%.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thời gian qua, áp lực phải xử lý các công nợ, khoản phải thu khó đòi đã làm gây ra nhiều khó khăn cho Ban Tổng Giám đốc. Đồng thời, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến các cơ quan quản lý, ngân hàng cũng ảnh hưởng không ít đến quỹ đạo làm việc của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện triển khai các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo đúng tinh thần và định hướng đề ra. Tuy tình hình hoạt động còn nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc vẫn nỗ lực để đảm bảo tiền lương, tiền công cho Cán bộ, Công nhân viên trong công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2014, hoạt động của Công ty sẽ gặp khó khăn hơn năm 2013, vì các lý do cụ thể như sau: tình hình sản xuất và kinh doanh của Công ty chưa được cải thiện; khả năng tăng doanh thu và lợi nhuận không cao; áp lực từ các chủ nợ về yêu cầu phá sản Công ty nếu không có phương án trả nợ khả thi; các khoản chi phí, đặc biệt là tiền thuê đất tăng cao.

- **Xử lý tồn tại về tài chính:** Rà soát phân loại, đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu. Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi công nợ. Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi làm các thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý công nợ không thu hồi được.
- **Cắt giảm phần lỗ trong kinh doanh:** Bán một phần tài sản Công ty tạo nguồn thu để xử lý tồn tại tài chính, làm việc với chủ nợ, cơ cấu lại nợ và lãi vay, giảm bớt áp lực công nợ và chi phí lãi vay.
- **Quản lý khai thác tài sản:** Rà soát lại các tài sản là nhà cửa đất đai chưa được sử dụng hợp lý và hiệu quả để có phương án sử dụng hiệu quả hơn. Trước mắt xem xét lại hiệu quả sử dụng khu vực nhà căn tin, nếu cần thiết cải tạo thay đổi công năng sử dụng. Kiểm tra các khu vực đất trống có điều kiện đầu tư khai thác để mở thêm cơ sở kinh doanh tăng hệ số sử dụng đất, nhằm giải quyết một phần chi phí tiền thuê đất tăng thêm.
- **Đầu tư và phát triển:** Ưu tiên vốn thực hiện đầu tư nâng cấp Cầu Trắng và Dự án nạo vét Cảng Biển Đông để sớm khôi phục lại công suất khai thác cầu cảng.



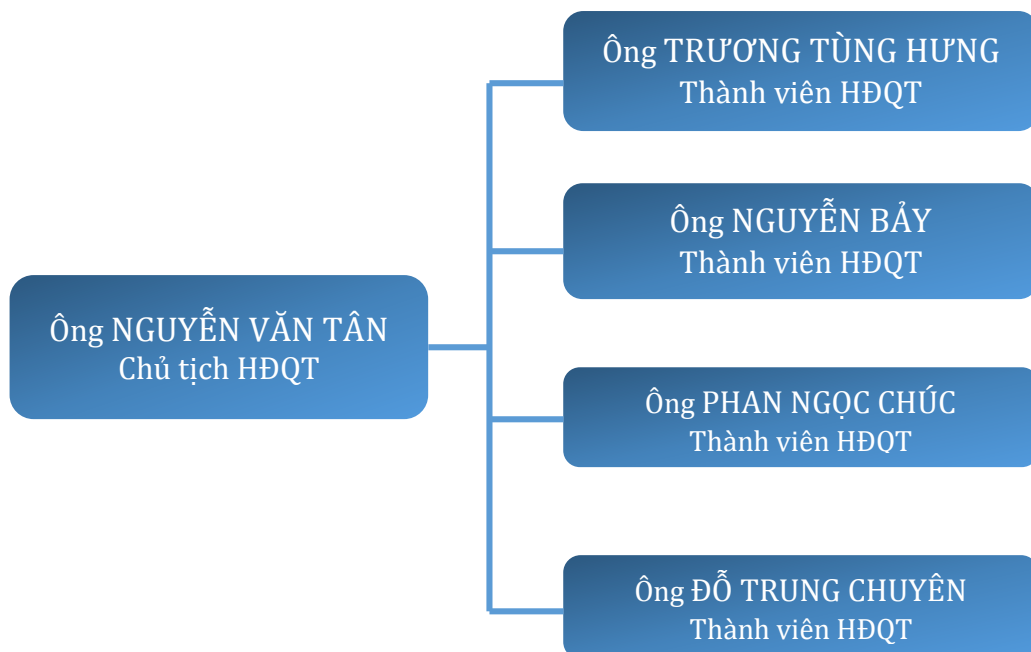


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

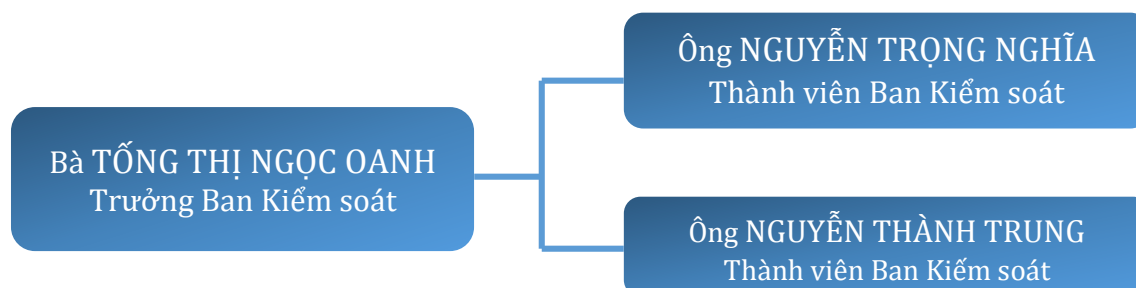
Cơ cấu Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch HĐQT Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,85%
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,39%
Ông Nguyễn Bảy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,09%
Ông Phan Ngọc Chúc	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,00%
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,00%

BAN KIỂM SOÁT

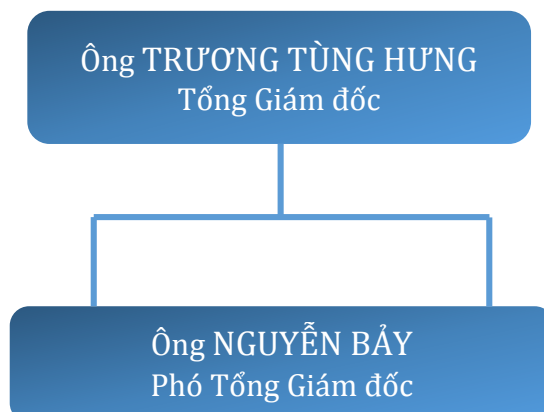
Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát



Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,59%
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,72%
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,00%

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc



Lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông **TRƯƠNG TÙNG HƯNG** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	: 1973
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:
1997 – 1999	: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển Hyun Dai – Vinashin.
1999 – 2001	: Nhân viên kinh doanh Trung tâm Máy Công ty Cơ khí Thủy Sản III.
2001 – 2004	: Nhân viên phòng kế hoạch Công ty Cơ khí Thủy Sản III.
2004 – 2006	: Nhân viên kỹ thuật Xưởng cơ khí Công ty Công nghiệp Thủy Sản.
2006 – 2007	: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Công ty Công nghiệp Thủy Sản.
2007 – 2008	: Phó Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản.
2008 – 2009	: Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
2009 - 05/2012	: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
05/2012 – nay	: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần	: 0,39%

Ông **NGUYỄN BẢY** – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	: 1959
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:
1983 – 1986	: Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp đóng tàu và Quốc doanh đánh cá thuộc Sở Thủy sản Cửu Long tại Thị xã Trà Vinh, tỉnh Cửu Long.
1986 – 1990	: Nhân viên kỹ thuật phòng thiết kế - Công ty Cơ khí Thủy sản III.
1990-1997	: Nhân viên kinh doanh Trung tâm máy – Công ty Cơ khí Thủy Sản III
1998 – 1999	: Phó phòng kinh doanh Trung tâm máy - Công ty cơ khí Thủy sản III.
2000	: Phó Giám đốc Trung tâm máy Công ty Cơ khí Thủy Sản III.
2001 – 2002	: Phó phòng kế hoạch Công ty Cơ khí Thủy Sản III đổi tên thành Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
2003-2004	: Trưởng phòng kế hoạch Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
2004-2006	: Phó Giám đốc Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
2007	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Công Nghiệp Thủy Sản.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần	: 0,09%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội Đồng Quản Trị			
Võ Ngọc Thẩm	Thành viên HĐQT		10/05/2013
Phan Ngọc Chúc	Thành viên HĐQT	10/05/2013	
Ban kiểm soát			
Lê Thị Thu Hiền	Trưởng BKS		10/05/2013
Lê Đình Dương	Thành viên BKS		10/05/2013
Tống Thị Ngọc Oanh	Thành viên BKS	05/05/2012	
Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng BKS	10/05/2013	
Nguyễn Thành Trung	Thành viên BKS	10/05/2013	
Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng BKS	10/05/2013	
Ban Tổng giám đốc			
Bùi Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	16/05/2012	03/12/2013

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ		
1	Trình độ đại học, trên đại học	16	22,22%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	39	54,17%
3	Khác	17	23,61%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	10	13,89%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	62	86,11%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%

Tổng nhân sự của Công ty trong năm 2013 là 72 người, trong đó số nhân sự có trình độ đại học hoặc trên đại học chiếm 22,22%; trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm tỷ lệ cao nhất 54,17%.

Thu nhập bình quân của người lao động

Năm	Mức lương bình quân
2011	4.531.743
2012	3.998.684
2013	4.935.731

Mặc dù tình hình tài chính trong năm 2013 của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc vẫn đảm bảo được nhu cầu thu nhập của người lao động khi thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty tăng 23,43% so với năm 2012.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn tuân thủ quy định của Pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Các thời gian nghỉ phép, lễ Tết, ốm đau hay nghỉ thai sản đều được Công ty thực hiện theo đúng Luật Lao động.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo điều kiện làm việc cho nhân viên như: cấp phát đầy đủ Bảo hiểm Lao động, Bảo hiểm y tế cho nhân viên Công ty; cung cấp trang bị phương tiện cũng như môi trường làm việc tốt nhất có thể cho nhân viên.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



CỔ PHẦN

Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	4.200.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	Không
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	135.300 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	4.064.700 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 04/04/2014

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	148	4.064.700	100,00%
Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
Tổng cộng	148	4.064.700	100,00%
Cổ đông lớn	4	2.812.679	69,20%
Cổ đông khác	144	1.252.021	30,80%
Tổng cộng	148	4.064.700	100,00%
Cổ đông tổ chức	5	2.337.195	57,50%
<i>Trong đó: Cổ đông nhà nước</i>	1	1.947.000	
Cổ đông cá nhân	143	1.727.505	42,50%
Tổng cộng	148	4.064.700	100,00%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2013, đã có tất cả 06 cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức nhằm đưa ra các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham gia
Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch	6	100%	
Trương Tùng Hưng	Thành viên	6	100%	
Nguyễn Bảy	Thành viên	6	100%	
Võ Ngọc Thắm	Thành viên	0	0%	1 kỳ đầu có lý do, 5 kỳ sau đã từ nhiệm
Đỗ Trung Chuyên	Thành viên	6	100%	
Phan Ngọc Chúc	Thành viên	5	83,33 %	1 kỳ đầu chưa tham gia HĐQT



STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	44/BB-HĐQT-CNTS	25/03/2013	V/v Kết quả SXKD năm 2012, ĐHCĐ TN và kế hoạch năm 2013
2	45/NQ-HĐQT-CNTS	25/03/2013	V/v Báo cáo KQSXKD 2012 và tổ chức ĐHCĐ 2012
3	75/QĐ/HĐQT/CNTS	10/05/2013	V/v Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên 2012
4	95/BB-HĐQT-CNTS	20/05/2013	V/v Biên bản phân công nhiệm vụ HĐQT năm 2012 – 2014
5	96/NQ-HĐQT-CNTS	20/05/2013	V/v Nghị quyết phân công nhiệm vụ HĐQT 2012 -2014
6	97/QĐ-HĐQT-CNTS	20/05/2013	V/v Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phương án Tái cơ cấu Công ty CP CNTS
7	131/BB-HĐQT-CNTS	22/07/2013	V/v Báo cáo tổ giúp việc Ban tái cơ cấu, đất Trà Vinh...
8	170/BB-HĐQT-CNTS	11/10/2013	V/v Báo cáo hoạt động của BKS ngày 15/08/2013; Phê duyệt PA Tái cơ cấu; Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2013;...
9	180/BB-HĐQT-CNTS	03/12/2013	V/v miễn nhiệm Phó TGĐ Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2014 đối với bà Bùi Thị Tuyết Mai
10	181/NQ-HĐQT-CNTS	03/12/2013	V/v miễn nhiệm chức vụ Phó TGĐ CTCP Công nghiệp Thủy sản đối với bà Bùi Thị Tuyết Mai
11	197/BB-HĐQT-CNTS	25/12/2013	V/v xử lý hợp đồng chuyển nhượng với công ty CP Kỹ thuật Xây dựng ANPHA

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp để thực hiện việc phân công công việc cho từng thành viên và triển khai kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thông qua điện thoại, email các thành viên thường xuyên liên lạc trao đổi với nhau và với Công ty để thực hiện công việc được ĐHĐCĐ giao.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2013 gồm:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013, các Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, đồng thời đưa ra các ý kiến tư vấn giúp phòng Tài chính kế toán và Ban điều hành để có những quyết định tốt nhất;
- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí...;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT khi có thư mời và có những ý kiến trao đổi với HĐQT và Ban điều hành;
- Tham gia các cuộc họp về xử lý tài sản và công nợ khi được mời với tư cách thay mặt cổ đông để giám sát hoạt động của Công ty và có các ý kiến tư vấn để đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng, đưa ra kiến nghị đối với HĐQT và Ban điều hành.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Đối với Hội đồng quản trị

Năm 2013, CTCP Công nghiệp Thủy sản có rất nhiều biến động xấu ảnh hưởng đến mọi hoạt động của Công ty.

- Số thành viên HĐQT trong năm 2013 hoạt động đầy đủ theo quy định là 05 thành viên. HĐQT thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng điều lệ quy định và quy chế hoạt động của HĐQT.
- Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp (vào các ngày 25/03/2013, 20/05/2013, 22/07/2013, 11/10/2013, 03/12/2013, 25/12/2013), ban hành 03 Nghị quyết và 02 Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013 và thực hiện chỉ đạo Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban điều hành Công ty đã chưa thực sự thống nhất và đoàn kết để tìm ra phương án kinh doanh nhằm đưa Công ty thoát khỏi sự khó khăn bế tắc trong thời gian qua. Tổng Giám đốc có những mặt hạn chế và khó khăn trong việc điều hành Công ty, do phải giải quyết và xử lý các công việc có liên quan đến cơ quan pháp luật, chủ nợ ngân hàng, cũng đã ảnh hưởng phần nào đến hoạt động Công ty trong thời gian vừa qua;
- Ban điều hành chưa thực hiện triệt để được phương án tái cơ cấu Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nhiều nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm đưa ra chưa được thực hiện.
- Tuy nhiên với rất nhiều khó khăn nhưng BĐH cũng đã ổn định phần nào đời sống của CBCNV đảm bảo tiền lương, tiền công đầy đủ cho người lao động.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi với nhau để cùng tháo gỡ, giải quyết kịp thời những khó khăn trước mắt;
- Các cuộc họp của HĐQT đều có thư mời BKS tham dự, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2013 được gửi đầy đủ đến Ban Kiểm soát;
- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban Kiểm soát;
- Quyền tiếp cận thông tin của Ban Kiểm soát được đảm bảo;
- Trong năm 2013 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

LƯƠNG THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Hội đồng quản trị

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm
1	Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch	5.000.000	60.000.000
2	Phan Ngọc Chúc	Thành viên	3.000.000	24.000.000
3	Nguyễn Bảy	Thành viên	3.000.000	36.000.000
4	Trương Tùng Hưng	Thành viên	3.000.000	36.000.000
5	Đỗ Trung Chuyên	Thành viên	3.000.000	36.000.000

Ban Kiểm soát

- Tổng thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2013 là 84.000.000 đồng
- Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	178.168.873	36.000.000	214.168.873
2	Nguyễn Bảy	Phó Tổng Giám đốc	146.507.038	36.000.000	182.507.038

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm vừa qua, Công ty tiếp tục tuân thủ các quy định về quản trị Công ty dựa trên Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư số 121/2012/TT-BTC về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
THỦY SẢN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tiền thân là Công ty Công Nghiệp Thủy Sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy Sản, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302166033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2008 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 33.000.000.000 VND và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 33.000.000.000 VND lên 42.000.000.000 VND.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 06 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Tuyết Mai thay cho ông Nguyễn Hữu Lộc và thay đổi địa chỉ công ty từ 30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh sang 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 chuẩn y việc thay đổi người đại theo pháp luật là Ông Trương Tùng Hưng thay cho bà Bùi Thị Tuyết Mai.

- **Vốn điều lệ : 42.000.000.000 VND**

- **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3 8 729 751

Fax : (84-08) 3 8 729 749

Mã số thuế : **0 3 0 2 1 6 6 0 3 3**

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu dầm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng. Kinh doanh vận tải thủy;
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp tri động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch	05/05/2012	
Ông Đỗ Trung Chuyên	Ủy viên		
Bà Võ Ngọc Thẩm	Ủy viên		10/05/2013
Ông Nguyễn Bày	Ủy viên		
Ông Phan Ngọc Chúc	Ủy viên	10/05/2013	
Ông Trương Tùng Hưng	Ủy viên		

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban	05/05/2012	10/05/2013
Lê Đình Dương	Thành viên	05/05/2012	10/05/2013
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Thành viên	05/05/2012	
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng ban	10/05/2013	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	10/05/2013	
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	10/05/2013	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	16/05/2012	
Ông Nguyễn Bày	Phó Tổng Giám đốc	16/05/2012	
Bà Bùi Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	16/05/2012	03/12/2013
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Kế toán trưởng	16/05/2012	

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



TRƯƠNG TÙNG HƯNG – Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến khoản Phải trả người bán số tiền: 3.066.571.054 VND (Xem thuyết minh số V.12). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các khoản trên. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh khoản chi phí lãi vay của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam năm 2012 và năm 2013 số tiền lần lượt là 1.965.821.319 VND, 2.998.400.000 VND. Nếu ghi nhận khoản chi phí lãi vay này thì trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu “chi phí tài chính” tăng lên số tiền 2.998.400.000 VND, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và thuế TNDN giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này một số vấn đề sau:

Trong năm Công ty làm thủ tục chuyển nhượng một số tài sản cố định là quyền sử dụng đất của Công ty Aquafeed Cửu Long để bù trừ một phần khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi số tiền 4.045.500.000 VND. Toàn bộ số tài sản này được Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Tân là thành viên HĐQT và Ông Trần Văn Khuynh phó phòng nghiên cứu phát triển thị trường đứng tên sở hữu theo nghị quyết số 30A/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 138.783.973.756 VND (Xem thuyết minh số V.19). Với nguồn vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 42.000.000.000 VND thì khoản lỗ trên đã vượt quá vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 93.415.277.493 VND. Cũng tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 110.223.938.109 VND và tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản 93.415.277.493 VND. Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty đang có phương án tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh nên báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THÈ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1.



NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.542.933.369	19.896.244.174
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.425.483.999	1.193.390.356
Tiền	111		1.425.483.999	1.193.390.356
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		7.688.729.797	11.947.808.522
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	106.813.136.399	114.681.090.752
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.000.000	251.543.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	19.892.780.180	19.868.404.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.2	(119.020.186.782)	(122.853.230.113)
IV. Hàng tồn kho	140		6.378.902.573	6.688.540.296
Hàng tồn kho	141	V.5	6.378.902.573	6.688.540.296
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.817.000	66.505.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	13.400.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	49.817.000	53.105.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.105.660.616	27.324.400.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000	9.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		9.000.000	9.000.000
II. Tài sản cố định	220		22.492.535.339	21.183.095.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	18.425.368.683	21.145.179.064
- Nguyên giá	222		50.257.793.828	51.184.070.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.832.425.145)	(30.038.891.749)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.067.166.656	37.916.660
- Nguyên giá	228		4.110.500.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.333.344)	(27.083.340)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	4.889.250.613	4.939.250.613
1. Đầu tư dài hạn khác	258		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.912.582.707)	(7.862.582.707)
V. Tài sản dài hạn khác	260		714.874.664	1.193.053.963
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	714.874.664	1.193.053.963
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.648.593.985	47.220.644.474

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		137.063.871.478	133.731.779.365
I. Nợ ngắn hạn	310		125.766.871.478	122.399.279.365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	85.702.000.000	87.268.543.044
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	4.267.041.242	6.524.556.617
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	570.000.000	2.991.704.290
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.14	294.906.236	2.513.631.813
5. Chi phí phải trả	316	V.15	30.439.000	9.085.753.380
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	34.419.102.423	13.434.613.644
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.17	483.382.577	580.476.577
II. Nợ dài hạn	330		11.297.000.000	11.332.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	35.500.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	11.297.000.000	11.297.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(93.415.277.493)	(86.511.134.891)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(93.415.277.493)	(86.511.134.891)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.036.572.261	2.036.572.261
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.125.714.002	2.125.714.002
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(138.783.973.756)	(131.879.831.154)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		43.648.593.985	47.220.644.474

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
USD		-	507,94
EUR		-	237,83

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HÙNG
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26.527.690.639	85.791.827.328
2. Các khoản giảm trừ	03		2.376.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	26.525.314.275	85.791.827.328
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.078.400.322	77.372.047.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.446.913.953	8.419.780.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.473.379	47.521.948
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.738.314.831	24.496.726.522
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.688.314.831</i>	<i>17.079.143.815</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.598.644.683	3.932.367.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	(1.323.714.535)	115.607.476.121
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.554.857.647)	(135.569.268.403)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.815.918.012	1.116.370.580
12. Chi phí khác	32	VI.8	165.202.967	1.091.148.509
13. Lợi nhuận khác	40		1.650.715.045	25.222.071
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.699)	(33.347)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HÙNG
Tổng Giám đốc


HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng


ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

MÃU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.192.386.131	102.839.328.976
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(15.399.490.921)	(76.248.034.289)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.988.905.777)	(6.048.570.299)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(116.618.890)	(6.641.077.405)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(689.325.689)	(819.133.791)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.645.726.523	19.730.210.153
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.703.764.376)	(29.074.467.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.940.007.001	3.738.255.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(50.728.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		255.000.000	143.727.273
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.061.502	47.456.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		266.061.502	140.455.445
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	53.440.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.566.543.044)	(58.091.456.956)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(407.612.200)	(77.993.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.974.155.244)	(4.729.450.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		231.913.259	(850.739.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.193.390.356	2.044.064.485
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		231.913.259	(850.739.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.193.390.356	2.044.064.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		180.384	65.776
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.425.483.999	1.193.390.356

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HƯNG
Tổng Giám đốc

HUỶNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

MẪU B 09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, , động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;
 - Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
 - Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
 - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng. Kinh doanh vận tải thủy;
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 76 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 98 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ bảy của Công ty kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức hay lợi nhuận cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (gọi tắt là Thông tư 45). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 trong việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định từ năm 2013, Công ty đánh giá việc áp dụng Thông tư 45 này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền theo tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng tài sản được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính khấu hao theo đường thẳng trong vòng 04 năm

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ theo đường thẳng với thời gian không quá 4 năm kể từ thời điểm phát sinh.

11. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty:

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (d) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắn chắn.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Năm 2013 Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	88.152.641	498.088.813
+ Tiền mặt tại VND	88.152.641	498.088.813
(b) Tiền gửi ngân hàng	1.337.331.358	695.301.543
+ VND	1.337.331.358	678.107.575
+ USD quy đổi VND	-	10.593.089
+ EUR quy đổi VND	-	6.600.879
Cộng	1.425.483.999	1.193.390.356

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu khách hàng tại văn phòng (*)	106.202.121.099	114.076.876.552
Công nợ phải thu khách hàng của Trạm DV - BH Cà Mau	611.015.300	604.214.200
Cộng	<u>106.813.136.399</u>	<u>114.681.090.752</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu không có khả năng thu hồi của Công ty CP Aquafeed Cửu Long đã trích lập dự phòng là: 91.086.800.435 VND

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (*)	99.323.223.825	103.156.267.156
Dự phòng phải thu khác khó đòi (**)	19.696.962.957	19.696.962.957
Cộng	<u>119.020.186.782</u>	<u>122.853.230.113</u>

(*) Dự phòng phải thu khó có khả năng thu hồi Công ty CP Aquafeed Cửu Long: 91.086.800.435 VND.

(**) Dự phòng phải thu lãi khó có khả năng thu hồi của Công ty CP Aquafeed Cửu Long là 18.423.790.410 VND.

3. Trả trước cho người bán

- Công nợ trả trước cho người bán tại văn phòng	3.000.000	251.543.000
- Công nợ trả trước cho người bán của Trạm DV - BH Cà Mau	-	-
Cộng	<u>3.000.000</u>	<u>251.543.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	7.400.139	6.171.048
- Phải thu BHXH của CNV	10.021.676	1.950.558
- Phải thu khác (*)	19.875.358.365	19.860.283.277
Cộng	<u>19.892.780.180</u>	<u>19.868.404.883</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu của Công ty CP Aquafeed Cửu Long: 18.423.790.410 VND và đã được trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	381.302.898	564.451.109
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.410.621.517	1.133.160.762
- Thành phẩm	13.663.179	13.663.179
- Hàng hóa	4.573.314.979	4.977.265.246
Cộng	<u>6.378.902.573</u>	<u>6.688.540.296</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng	33.952.000	32.840.000
- Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	15.865.000	20.265.000
Cộng	<u>49.817.000</u>	<u>53.105.000</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	43.152.082.012	2.704.950.066	5.133.574.997	193.463.738	51.184.070.813
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Do mua sắm</i>	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	60.714.674	381.540.644	442.636.150	41.385.517	926.276.985
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	442.636.150	-	-
<i>Chuyển sang 242</i>	60.714.674	381.540.644	-	41.385.517	483.640.835
4. Số cuối năm	<u>43.091.367.338</u>	<u>2.323.409.422</u>	<u>4.690.938.847</u>	<u>152.078.221</u>	<u>50.257.793.828</u>
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	18.452.548.118	370.021.281	2.240.894.647	81.715.018	21.145.179.064
2. Số cuối năm	<u>16.253.928.457</u>	<u>300.562.017</u>	<u>1.806.098.963</u>	<u>64.779.246</u>	<u>18.425.368.683</u>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.423.162.695 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.457.750.569 VND.

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không.

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	-	65.000.000	65.000.000
2. Tăng trong năm	4.045.500.000	-	4.045.500.000
<i>Tăng khác</i>	<i>4.045.500.000</i>	-	<i>4.045.500.000</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	4.045.500.000	65.000.000	4.110.500.000
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	-	27.083.340	27.083.340
2. Tăng trong năm	-	16.250.004	16.250.004
<i>Trích khấu hao</i>	<i>-</i>	<i>16.250.004</i>	<i>16.250.004</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	-	43.333.344	43.333.344
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	-	37.916.660	37.916.660
2. Số cuối năm	4.045.500.000	21.666.656	4.067.166.656

Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 3.180.500.000 VND

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	12.801.833.320	12.801.833.320
+ Công ty CP Aquafeed Cửu Long	7.203.840.000	7.203.840.000
+ Công ty CP Biển Tây (*)	4.835.000.000	4.835.000.000
+ Công ty Công trình Giao Thông 61 (*)	267.993.320	267.993.320
+ Công ty Thiết bị Máy Động Lực	445.000.000	445.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	50.000.000
Dự phòng khoản đầu tư	(7.912.582.707)	(7.862.582.707)
+ Dự phòng đầu tư Công ty CP Aquafeed Cửu Long	(7.203.840.000)	(7.203.840.000)
+ Dự phòng đầu tư Công ty Thiết bị Máy Động Lực	(445.000.000)	(445.000.000)
+ Dự phòng đầu tư Công ty CP Biển Tây	(213.742.707)	(213.742.707)
+ Dự phòng đầu tư Cty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Biển Đông	(50.000.000)	-
Cộng	4.889.250.613	4.939.250.613

(*) Khoản đầu tư chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2013.

Chi tiết các loại Cổ phiếu như sau:

Cổ phiếu	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Công ty CP Aquafeed Cửu Long	720.384	7.203.840.000	720.384	7.203.840.000
Công ty CP Biển Tây	499.456	4.835.000.000	483.500	4.835.000.000
Công ty Công trình Giao Thông 61	26.666	267.993.320	26.666	267.993.320
Công ty Thiết bị Máy Động Lực	490	445.000.000	490	445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	
			Số cuối năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	1.080.680.903	50.735.000	474.874.572	656.541.331
Công cụ, dụng cụ	59.330.220	-	59.330.220	-
Chi phí khác	53.042.840	100.000.000	94.709.507	58.333.333
Cộng	1.193.053.963	150.735.000	628.914.299	714.874.664

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Công Thương - CN 1	25.090.000.000	25.288.543.044
+ VND	25.090.000.000	25.288.543.044
- Ngân hàng NN và PT Nông Thôn	60.612.000.000	61.980.000.000
+ VND	60.612.000.000	61.980.000.000
Cộng	85.702.000.000	87.268.543.044

Ngân hàng Công Thương Chi nhánh I

Số hợp đồng	38/2011/HDTD-DNL
Ngày HD	09/09/2011
Hạn mức vay	40.000.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	25.090.000.000 VND
Hiệu lực của hạn mức	12 tháng
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng của Bên vay
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh BRVT, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh 63.610 m ²

Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam

Số hợp đồng	1700-LAV-200303133 và hợp đồng sử đổi ngày 28/02/2013
Ngày HD	01/07/2011
Hạn mức vay	72.000.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	60.612.000.000 VND
Hiệu lực của hạn mức	12 tháng
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh
Tài sản đảm bảo	Theo hợp đồng thuê chấp TS số 1700 - LCP-200401239 ngày 02/11/2004

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công nợ phải trả của Văn phòng (*)	3.516.847.257	4.809.016.437
- Công nợ phải trả của Trạm DV - BH Cà Mau	750.193.985	1.715.540.180
Cộng	4.267.041.242	6.524.556.617
(*) Chưa nhận thư xác nhận	3.066.571.054 VND	

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công nợ người mua trả trước tại văn phòng	570.000.000	2.991.704.290
Cộng	570.000.000	2.991.704.290

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT		<u>Số còn phải nộp đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số còn phải nộp cuối năm</u>
I	Thuế	2.059.014.949	4.139.750.717	5.903.859.430	294.906.236
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	971.002.856	1.622.101.571	2.451.329.667	141.774.760
	<i>Văn phòng</i>	963.610.828	1.532.054.902	2.404.618.612	91.047.118
	<i>Chi nhánh</i>	7.392.028	90.046.669	46.711.055	50.727.642
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.325.689	-	689.325.689	-
3	Các loại thuế khác	398.686.404	2.517.649.146	2.763.204.074	153.131.476
	- Thuế TNCN	98.643.704	64.495.361	159.998.179	3.140.886
	- Thuế nhà đất	300.042.700	2.447.153.785	2.597.205.895	149.990.590
	- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
II	Ce khoản phải nộp khác	454.616.864	9.304.200	463.921.064	-
	Các khoản phí, lệ phí	454.616.864	9.304.200	463.921.064	-
	Tổng cộng	2.513.631.813	4.149.054.917	6.367.780.494	294.906.236

- **Thuế Giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất thuế GTGT hàng bán nội địa : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh IV.16)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	580.476.577	-	97.094.000	483.382.577
Cộng	580.476.577	-	97.094.000	483.382.577

18. Vay và nợ dài hạn

Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	11.297.000.000	11.297.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
-		
- Chi phí lãi vay NH Nông Nghiệp và PTNT CN TPHCM	-	5.296.897.792
- Chi phí lãi vay NH Công Thương CN1	-	3.469.180.099
- Chi phí lãi vay cá nhân	-	18.056.577
- Chi phí lương	30.439.000	301.618.912
Cộng	30.439.000	9.085.753.380

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	202.544.047	199.291.541
- Phải trả về cổ phần hóa	-	300.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	926.120.000	796.940.000
- Các khoản phải trả, phải nộp	33.290.438.376	12.138.382.103
+ Phải trả Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV	9.509.787.653	9.008.237.333
+ Ngân Hàng TMCP Công Thương VN Chi Nhánh 1 TP HCM (lãi vay)	8.502.340.856	-
+ Ngân hàng NN&PTNT CN TP HCM (lãi vay)	13.861.675.817	-
+ Phải trả cổ tức	1.355.203.700	1.762.668.250
+ Phải trả khác	61.430.350	1.367.476.520
Cộng	34.419.102.423	13.434.613.644

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	3.687.149.392	49.055.845.655
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(135.544.046.332)	(135.544.046.332)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(22.934.214)	(22.934.214)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	(131.879.831.154)	(86.511.134.891)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(6.904.142.602)	(6.904.142.602)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	(138.783.973.756)	(93.415.277.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	19.470.000.000	19.470.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	22.530.000.000	22.530.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	559.410.000	559.410.000
Cộng	<u>42.559.410.000</u>	<u>42.559.410.000</u>

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	135.300	135.300
+ Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng doanh thu	26.527.690.639	85.791.827.328
+ Doanh thu bán hàng	4.450.397.350	59.709.338.515
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.215.645.436	11.932.720.577
+ Doanh thu đóng sửa tàu thuyền	10.851.425.380	14.144.835.236
+ Doanh thu khác	10.222.473	4.933.000
- Khoản giảm trừ doanh thu	2.376.364	-
+ Giảm giá hàng bán	2.376.364	-
Cộng	<u>26.525.314.275</u>	<u>85.791.827.328</u>

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng hóa	3.853.892.562	58.137.015.638
- Giá vốn dịch vụ	6.246.541.553	8.080.641.642
- Giá vốn thành phẩm	8.977.966.207	11.154.389.978
Cộng	<u>19.078.400.322</u>	<u>77.372.047.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.967.946	15.456.972
- Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư	6.325.049	31.999.200
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	180.384	65.776
Cộng	<u>11.473.379</u>	<u>47.521.948</u>

4. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	13.688.314.831	17.079.143.815
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	50.000.000	7.417.582.707
Cộng	<u>13.738.314.831</u>	<u>24.496.726.522</u>

5. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	2.616.550.797	3.185.738.561
- Chi phí dụng cụ văn phòng	520.311.239	97.367.875
- Chi phí khấu hao	62.340.000	62.340.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.591.740	158.964.592
- Chi phí bằng tiền khác	393.850.907	427.956.750
Cộng	<u>3.598.644.683</u>	<u>3.932.367.778</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên	1.434.669.711	1.571.243.916
- Chi phí dụng cụ văn phòng	133.895.148	431.217.986
- Chi phí khấu hao	151.047.943	164.880.128
- Thuế, phí, lệ phí	1.906.700	1.669.900
- Dự phòng phải thu khó đòi	(3.833.043.331)	112.569.402.723
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.545.761	69.207.199
- Chi phí bằng tiền khác	766.263.533	799.854.269
Cộng	<u>(1.323.714.535)</u>	<u>115.607.476.121</u>

7. Thu nhập khác

- Thanh lý tài sản	233.775.455	993.727.273
- Thu nhập từ chuyển giao Quyền sử dụng đất	1.052.453.636	-
- Lãi góp vốn đầu tư Mạc Thị Bưởi	159.707.680	-
- Lãi chậm thanh toán	13.585.833	117.843.307
- Vi phạm hợp đồng	356.395.408	-
- Thu nhập khác	-	4.800.000
Cộng	<u>1.815.918.012</u>	<u>1.116.370.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-		
- Thanh lý tài sản	96.826.695	633.827.471
- Phạt chậm nộp	68.376.272	454.616.864
- Chi phí khác	-	2.704.174
Cộng	<u>165.202.967</u>	<u>1.091.148.509</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng lợi nhuận trước thuế	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	204.445.922	622.365.118
<i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>192.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
<i>Phạt vi phạm thuế, bảo hiểm</i>	<i>12.445.922</i>	<i>466.365.118</i>
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	6.325.049	31.999.200
<i>Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư</i>	<i>6.325.049</i>	<i>31.999.200</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	(6.706.021.729)	(134.953.680.414)
- Thuế suất	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
- Chi phí thuế TNDN được giảm 30%	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	-	-
Lợi nhuận sau thuế	<u>(6.904.142.602)</u>	<u>(135.544.046.332)</u>

10. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.064.700	4.064.700
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.699)</u>	<u>(33.347)</u>

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức chưa chi	1.355.203.700	1.762.668.250
- Chi phí lãi vay phải trả	13.571.695.941	10.098.104.498
2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm nay	407.612.200	-
Chi phí lãi vay năm trước trả trong năm nay	116.618.890	391.291.308
Chi phí trích trước tiền lương trả trong năm nay	285.452.912	689.967.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	Đại diện vốn Nhà nước

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam		
Vay tiền trong năm	2.555.440.000	5.000.000.000
Trả tiền vay	2.053.889.680	5.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng, thù lao	840.996.263	1.058.382.771
Cộng	840.996.263	1.058.382.771

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam		
Phải trả tiền vay	19.241.550.320	18.740.000.000
Phải trả cổ tức	1.300.000.000	1.700.000.000
Phải trả lãi vay	1.565.237.333	1.565.237.333
Phải trả về cổ phần hóa	-	300.000.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận bán hàng hóa, Bộ phận bán các thành phẩm và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 hoạt động kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận bán hàng hóa: phụ tùng máy móc thiết bị...
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: cho thuê kho, bãi, cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, điện, nước...
- Bộ phận bán các thành phẩm: đóng tàu, sửa chữa tàu, sửa chữa xà lan, gia công cơ khí...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	18.400.631.099	17.372.533.862	6.493.164.686	42.266.329.647
Tài sản phân bổ		702.929.822	679.334.516	1.382.264.338
Tổng tài sản				43.648.593.985
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	126.847.896.434	1.143.804.290	6.786.861.836	134.778.562.560
Nợ phải trả phân bổ	342.459.317	988.007.025	954.842.576	2.285.308.918
Tổng nợ phải trả				137.063.871.478
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	20.048.592.595	19.022.415.052	6.956.246.471	46.027.254.118
Tài sản phân bổ	835.373.249	167.074.650	190.942.457	1.193.390.356
Tổng tài sản				47.220.644.474
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	119.399.146.459	2.112.257.385	9.706.743.708	131.218.147.552
Nợ phải trả phân bổ	1.759.542.269	351.908.454	402.181.090	2.513.631.813
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				133.731.779.365

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Năm nay				
Doanh thu bộ phận	4.450.397.350	11.225.867.909	10.849.049.016	26.525.314.275
Chi phí hoạt động phân bổ	(3.886.481.377)	(8.083.426.076)	(9.383.423.017)	(21.353.330.470)
Chi phí tài chính	(13.254.517.784)		(433.797.047)	(13.688.314.831)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.690.601.811)	3.142.441.833	1.031.828.952	(8.516.331.026)
Doanh thu tài chính	11.473.379			11.473.379
Lãi khác	1.650.715.045			1.650.715.045
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(50.000.000)			(50.000.000)
Lợi nhuận trước thuế	(11.078.413.387)	3.142.441.833	1.031.828.952	(6.904.142.602)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(6.904.142.602)

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Năm trước				
Doanh thu bộ phận	59.709.338.515	11.937.653.577	14.144.835.236	85.791.827.328
Chi phí hoạt động	(168.256.054.650)	(10.120.501.341)	(18.535.335.166)	(196.911.891.157)
Chi phí tài chính	(16.225.186.625)	(170.791.438)	(683.165.753)	(17.079.143.815)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(124.771.902.760)	1.646.360.798	(5.073.665.683)	(128.199.207.644)
Doanh thu tài chính	47.521.948			47.521.948
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	25.222.071			25.222.071
Lãi khác	(7.417.582.707)			(7.417.582.707)
Lợi nhuận trước thuế				(135.544.046.332)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(135.544.046.332)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động ở công ty chủ yếu diễn ra ở thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra công ty còn có trạm dịch vụ Cà Mau.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.425.483.999	1.193.390.356
Phải thu khách hàng (*)	7.489.912.574	11.524.823.596
Các khoản phải thu khác	178.395.408	-
Ký quỹ ngắn hạn	15.865.000	20.265.000
Ký quỹ dài hạn	9.000.000	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	4.889.250.613	4.939.250.613
Cộng	<u>14.007.907.594</u>	<u>17.686.729.565</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	85.702.000.000	87.268.543.044
Phải trả người bán	4.267.041.242	6.524.556.617
Chi phí phải trả	-	8.799.260.468
Các khoản phải trả khác	34.216.558.376	12.935.322.103
Nợ dài hạn	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	<u>135.482.599.618</u>	<u>126.824.682.232</u>

(*) Xem thêm phần rủi ro thanh khoản

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động kinh doanh chính bán hàng hóa, bán máy móc, phụ tùng thiết bị, cho nên Công ty chịu sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành, và bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty CP Aquafeed Cửu Long, Công ty TNHH Vượt Sóng, Công ty CP Biển Tây... Công ty đã lập dự phòng phải thu tất cả các khoản công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các công ty này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	85.702.000.000	-	-	85.702.000.000
Phải trả người bán	4.267.041.242	-	-	4.267.041.242
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	34.216.558.376	-	-	34.216.558.376
Nợ dài hạn	-	-	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	124.185.599.618	-	11.297.000.000	135.482.599.618

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	87.268.543.044	-	-	87.268.543.044
Phải trả người bán	6.524.556.617	-	-	6.524.556.617
Chi phí phải trả	8.799.260.468	-	-	8.799.260.468
Các khoản phải trả khác	12.935.322.103	-	-	12.935.322.103
Nợ dài hạn	-	-	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	115.527.682.232	-	11.297.000.000	126.824.682.232

Tại ngày 31/12/2013, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.019.308.743 VND, phải trả khác: 33.290.438.376 VND. Tại ngày 01/01/2013, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.019.308.743 VND, phải trả khác: 9.377.177.333 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao. Nhiều khoản nợ vay đến hạn nhưng vẫn chưa có nguồn để thanh toán, các khoản phải trả khác quá hạn nhiều năm cũng không có khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty khó có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn nếu không có sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn của Công ty.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.425.483.999	-	-	1.425.483.999
Phải thu khách hàng	7.489.912.574	-	-	7.489.912.574
Các khoản phải thu khác	178.395.408	-	-	178.395.408
Ký quỹ ngắn hạn	15.865.000	-	-	15.865.000
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.889.250.613	-	4.889.250.613
Cộng	9.109.656.981	4.898.250.613	-	14.007.907.594

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.193.390.356	-	-	1.193.390.356
Phải thu khách hàng	11.524.823.596	-	-	11.524.823.596
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	20.265.000	-	-	20.265.000
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.939.250.613	-	4.939.250.613
Cộng	12.738.478.952	4.948.250.613	-	17.686.729.565

Khoản thu khách hàng và khoản phải thu khác quá hạn thanh toán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số công nợ phải thu. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn này.

Tại ngày 31/12/2013, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 106.813.136.399 VND đã trích lập dự phòng số tiền 99.323.223.825 VND. Tổng công nợ phải thu khác quá hạn là 19.696.962.957 VND được trích lập dự phòng toàn bộ. Tại ngày 01/01/2013, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 110.855.897.969 VND đã trích lập dự phòng 103.156.267.156 VND; tổng công nợ phải thu khác là 19.696.962.957 VND đã trích dự phòng toàn bộ.

Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là công ty CP Aquafeed Cửu Long, không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng như sau: Tại ngày 31/12/2013, công nợ phải thu tiền hàng 91.086.800.435 VND và công nợ phải thu tiền lãi chậm trả 18.423.790.410 VND đã được trích lập dự phòng toàn bộ.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Thông tin so sánh


Số liệu đầu năm được lấy trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014




TRƯƠNG TÙNG HƯNG
Tổng Giám đốc


HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng


ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI
DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Tùng Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
SEAPRODUCTS MECHANICAL SHAREHOLDING COMPANY
Địa chỉ: 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM
Tel: 08.38386923 - 08.38386461
Fax: 08.38386465
Email: seameco@seameco.com.vn